

PHỤ LỤC SỐ 01
TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH MỞ MỜI 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

STT	Tên Công trình/ Dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện												Ghi chú
		Tháng 1/2022	Tháng 2/2022	Tháng 3/2022	Tháng 4/2022	Tháng 5/2022	Tháng 6/2022	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	Tháng 12/2022	
II	NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ													
1	Công trình chuyển tiếp													
1.1	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Thi công nền đường, hệ thống thoát nước trực 2	Tiếp tục thi công nền đường, hệ thống thoát nước trực 2	Tiếp tục thi công nền đường, hệ thống thoát nước trực 2	Tiếp tục thi công nền đường, hệ thống thoát nước trực 2	Hoàn thiện nền đường, hệ thống nước trực 2; giá cố nền mặt đường trực 2	Hoàn thiện nền đường, hệ thống nước trực 2; giá cố nền mặt đường trực 2	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập quyết toán	Trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	
1.2	Đường giao thông từ Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH 65)	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
1.3	Đường từ xã Đắk Drô đi Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
1.4	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng	Quyết toán	Quyết toán	Quyết toán	Quyết toán	Quyết toán	
1.5	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán	
2	Công trình mở mới													
2.1	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10) huyện Krông Nô	Lựa chọn nhà thầu lập HSMT xây lắp	lập HSMT, phê duyệt HSMT	Đăng tải HSMT, đánh giá HSDT XL+ đền bù giải phóng mặt bằng	Phê duyệt kết quả LCNT XL, ký hợp đồng+ đền bù giải phóng mặt bằng	Đền bù giải phóng mặt bằng	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
2.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV(1959-1975) tại Năm Nung tỉnh ĐắkNông	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu+ký hợp đồng	Khởi công Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
2.3	Đường giao thông xã ĐắkDrô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(ĐH66)	Thẩm định TKBVTC-DT	Phê duyệt TKBVTC-DT +LCNT	Khởi công thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
2.4	Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu	LCNT+ký hợp đồng	Khởi công Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
2.5	Hồ Đắk Rì 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô	Lựa chọn nhà thầu lập HSMT xây lắp	lập HSMT, phê duyệt HSMT	Đăng tải HSMT, đánh giá HSDT XL	Phê duyệt kết quả LCNT XL, ký hợp đồng	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
2.6	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	Lập HSMT tư vấn TKBVTC-DT+ giải phóng mặt bằng	Đăng tải HSMT Tư vấn TKBVTC-DT+ GPMB	Mở thầu, đánh giá HSDT; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký hợp đồng tư vấn KS, lập TKBVTC-DT+ GPMB	Khảo sát, lập TKBVTC-DT+ GPMB	Trình thẩm định phê duyệt TKBVTC-DT; lập HSMT xây lắp; đăng tải HSMT+GPMB	Đánh giá HSDT; PD KQLCNT xây lắp; Ký hợp đồng xây lắp, ứng vốn XL; bàn giao tuyển tổ chức thi công+GPMB	Thi công+ GPMB	Thi công+ GPMB	Thi công+ GPBM	Thi công+ GPMB	Thi công+ GPBM	Thi công+ GPBM	
2.7	Đường giao thông từ thị trấn ĐắkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Nđir huyện Krông Nô(ĐH57)	Lập HSMT tư vấn TKBVTC-DT	Đăng tải HSMT Tư vấn TKBVTC-DT	Mở thầu, đánh giá HSDT; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký hợp đồng tư vấn KS, lập TKBVTC-DT	Khảo sát, lập TKBVTC-DT	Trình thẩm định phê duyệt TKBVTC-DT; lập HSMT xây lắp; đăng tải HSMT	Đánh giá HSDT; PD KQLCNT xây lắp; Ký hợp đồng xây lắp, ứng vốn XL; bàn giao tuyển tổ chức thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	
II	NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ													
1	Công trình mở mới													
1.1	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Lựa chọn nhà thầu	LCNT+Ký HĐ	Khởi công thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao	Quyết toán công trình	

1.2	Trường THCS Năm Nung	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao	Quyết toán công trình	
1.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán				
1.4	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắk Sơn	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán		
1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Drô	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán				
1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	lập hồ sơ quyết toán				
1.7	Xây mới nhà làm việc xã đội xã Năm Nung	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	lập hồ sơ quyết toán						
1.8	Trường MN Hoa Pơ Lang	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	
1.9	Trường THCS Lý Tự Trọng	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu + Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	Quyết toán	
1.10	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắk Drô	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công				
1.11	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Đang triển khai lập hồ sơ	Đang triển khai lập hồ sơ	Đang triển khai lập hồ sơ										
1.12	Trường THCS Đắk Nang	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	

[illegible]

1	Công trình mới													
1.1	Trường TH Lê Văn Tám (phần hiệu Tân Lập)	Lựa chọn nhà thầu	LCNT+Ký HĐ	Khởi công thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao	Quyết toán công trình	
1.2	Trường THCS Năm Nung	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao	Quyết toán công trình	
1.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán				
1.4	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắk Sơn	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán		
1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Drô	Lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng và khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Lập hồ sơ quyết toán				
1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	lập hồ sơ quyết toán				
1.7	Xây mới nhà làm việc xã đội xã Năm Nung	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng khởi công	Thi công	Thi công	Hoàn thiện công trình, lập hồ sơ hoàn công tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	lập hồ sơ quyết toán						
1.8	Trường MN Hoa Pơ Lang	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	
1.9	Trường THCS Lý Tự Trọng	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu +Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	Quyết toán	
1.10	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắk Drô	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký hợp đồng	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công				
1.11	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Đang triển khai lập hồ sơ	Đang triển khai lập hồ sơ	Đang triển khai lập hồ sơ										
1.12	Trường THCS Đắk Nang	lựa chọn nhà thầu	lựa chọn nhà thầu	Ký HĐ + Khởi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Thi công	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết toán	

--	--	--

PHỤ LỤC SỐ 02a

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	6	7		8
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm						
1.1	Đường ống cấp nước sạch tập trung Bon Dru và Bon Yok Linh	TT Đắk Mâm	UBND thị trấn Đắk Mâm	2017	2,222	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
1.2	Nâng cấp Đường GT nội bon Dru TT Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	UBND thị trấn Đắk Mâm	2017	2,198	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
1.3	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm thôn Đắk Tân đi về TT Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	UBND thị trấn Đắk Mâm	2019	1,997	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
1.4	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường tiểu học Trần Phú, thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	Ban quản lý CTMTQGTT Đắk Mâm	2019-2020	3,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
1.5	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	UBND thị trấn Đắk Mâm	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
2	UBND xã Năm N'Đir						
2.1	Hội trường thôn Quảng Hà xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2017	701	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.2	Nhà văn hóa xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	2.841	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.3	Nhà văn hóa bon Đắk Pri	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	464	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.4	Đường giao thông thôn Nam Dao xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	685	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.5	Trường tiểu học Phan Bội Châu, xã Năm N'Đir; hạng mục: Khôi hiệu bộ	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	2.274	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.6	Trường tiểu học Kim Đồng (địa điểm mới), xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	2.986	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.7	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn Nam Dao, xã Năm N'Đir	Nam Dao - Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	481,216	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.8	Đường bê tông giao thông nông thôn bon Đắk Pri, xã Năm N'Đir	Đắk Pri - Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	240,631	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2.9	Nhà văn hóa Đắk Pri, xã Năm N'Đir, hạng mục: Nhà vệ sinh 12m2, công tường rào 51m, sân bê tông 88m2, giếng khoáng	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý CTMTQG xã Năm N'Đir	2020	0,231	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
2.10	Nhà văn hóa thôn Nam Ninh, hạng mục: San lấp mặt bằng, nhà cấp IV, diện tích 120m2	Xã Năm N'Đir	UBND Xã Năm N'Đir	2020	0,490	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
2.11	Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Ban Quản lý CT MTQG xã Năm N'Đir	2020	1,667	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
2.12	Trường Mầm non Hoa Ban, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Ban Quản lý CT MTQG xã Năm N'Đir	2020	4,438	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3	UBND xã Quảng Phú						
3.1	Đường giao thông bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban quản lý CTMTQG xã Quảng Phú	2020	0,213	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.2	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Hưng, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,183	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.3	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,315	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.4	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,228	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.5	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Hòa, Xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,366	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.6	Nhà văn hóa thôn Phú Hưng, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,469	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.7	Nhà văn hóa thôn Phú Trung, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,394	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.8	Nhà văn hóa thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,339	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
3.9	Nhà văn hóa thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,489	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
4	UBND xã Buôn Choah						
4.1	Nhà văn hóa thôn Buôn Choah, Hạng mục: Cổng, hàng rào lưới B40	Xã Buôn Choah	Ban quản lý CTMTQG xã Buôn Choah	2020	0,224	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
4.2	Nhà văn hóa thôn Cao Sơn, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Ban Quản lý CT MTQG xã Buôn Choah	2020	0,488	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
4.3	Nhà văn hóa thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah, hạng mục: Nâng cấp mở rộng hội trường	Xã Buôn Choah	Ban Quản lý CT MTQG xã Buôn Choah	2020	0,490	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
5	Phòng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp						
5.1	Nạo vét kênh tiêu thôn Cao Sơn, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng NN&PTNT	2020	1,126	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo						
6.1	Trường tiểu học Kim Đồng xã Năm N'Đir, Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	Xã Năm N'Đir	Phòng GD&ĐT	2020	4,467	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.2	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân (5 phòng học)	Buôn Choah - Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2020	2,887	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.3	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân; Hạng mục: Cổng, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2020	1,500	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.4	Trường tiểu học Lê Lợi (HM: Nhà lớp học 08 phòng 2 tầng)		Phòng GD&ĐT	2020	5,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.5	Trường TH Nguyễn Bá ngọc, hạng mục: Cổng, tường rào;	Xã Nam Xuân	Phòng GD&ĐT	2020	0,540	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.6	Trường TH Phan Chu trinh, hạng mục: Nâng cấp mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	Thị trấn Đăk Mâm	Phòng GD&ĐT	2020	3,501	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.7	Trường Mầm non Hòa Mi, hạng mục nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	TT Đăk Mâm	Phòng GD&ĐT	2019	5,770	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.8	Trường Mầm non Vàng Anh hạng mục: Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2019	3,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6.9	Trường Mầm non Hoa Hồng (nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ)	Xã Đúc Xuyên	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.10	Trường Mầm non Sơn Ca (phân hiệu Nam Hải) (nâng cấp mở rộng 2 phòng học)	Xã Nam Đà	Phòng GD&ĐT	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
6.11	Trường Mầm non Hòa Mi (điểm chính) (nâng cấp mở rộng cổng, tường rào)	xã Đắc Drô	Phòng GD&ĐT	2020	0,700	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.12	Trường Mầm non Hoàng Anh (nhà hiệu bộ)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.13	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm (nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh)	TT Đắc Mâm	Phòng GD&ĐT	2020	0,900	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.14	Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở Nguyễn Viết Xuân	Xã Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.15	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bé	Xã Đức Xuyên	Phòng GD&ĐT	2020	4,500	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.16	Trường Tiểu học Hoàng Diệu (nâng cấp, sửa chữa 7 phòng học)	Xã Nam Đà	Phòng GD&ĐT	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.17	Trường THCS Năm N'Đir (nâng cấp, sửa chữa 16 phòng học)	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2020	0,999	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.18	Trường MN Hướng Dương (Nâng cấp, mở rộng bếp ăn)	Xã Tân Thành	Phòng GD&ĐT	2020	0,547	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.19	Trường TH Trần Quốc Toàn (Điểm chính) (Nâng cấp, sửa chữa 6 phòng học)	Xã Tân Thành	Phòng GD&ĐT	2020	0,900	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6.20	Trường MN Chòi Non (nâng cấp, cải tạo sân, mái vòm)	Xã Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2021	1,000	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6.21	Trường MN Hoàng Anh (nâng cấp, cải tạo cổng, tường rào)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2021	0,993	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6.22	Trường TH Lê Văn Tám (Tân Lập) (Nâng cấp, mở rộng 3 phòng học)	Xã Năm Nung	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6.23	Trường MN Hoàng Anh (điểm chính) (nâng cấp, mở rộng bếp ăn)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2021	0,846	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6.24	Trường TH Kim Đồng (điểm chính) (nâng cấp cổng, tường rào)	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
6.25	Trường THCS TT Đăk Mâm (nâng cấp, cải tạo sân, nhà để xe)	TT Đăk Mâm	Phòng GD&ĐT	2021	1,000	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6.26	Trường THCS Lý Tự Trọng (nâng cấp, cải tạo công, tường rào)	Xã Nam Xuân	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
7 Công an huyện							
7.1	Sửa chữa Trụ sở Công an huyện	TT Đăk Mâm	Công an huyện	2020	3,685	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

PHỤ LỤC SỐ 02

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	6	7		8
A	Danh mục hoàn thành từ năm 2020 trở về trước						
I	Vốn đầu tư						
1	Đường ống cấp nước sạch tập trung Bon Dru và Bon Yok Linh	TT Đắc Mâm	UBND thị trấn Đắc Mâm	2017	2,222	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2	Nâng cấp Đường GT nội bon Dru TT Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	UBND thị trấn Đắc Mâm	2017	2,198	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
3	Hội trường thôn Quảng Hà xã Năm N'đir	Xã Năm N'đir	UBND xã Năm N'đir	2017	701	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
4	Nhà văn hóa xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	2.841	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
5	Nhà văn hóa bon Đắc Pρί	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	464	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
6	Đường giao thông thôn Nam Dao xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	2018	685	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
7	Trường tiểu học Phan Bội Châu, xã Năm N'Đir; hạng mục: Khối hiệu bộ	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	2.274	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
8	Trường tiểu học Kim Đồng (địa điểm mới), xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	2.986	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
9	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn Nam Dao, xã Năm N'Đir	Nam Dao - Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	481,216	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
10	Đường bê tông giao thông nông thôn bon Đắc Pρί, xã Năm N'Đir	Đắc Pρί - Năm N'Đir	Ban quản lý các CTMTQG xã Năm N'Đir	2019	240,631	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
11	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm thôn Đắc Tân đi về TT Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	UBND thị trấn Đắc Mâm	2019	1,997	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
12	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường tiểu học Trần Phú, thị trấn Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	Ban quản lý CTMTQGTT Đắc Mâm	2019-2020	3,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
13	Trường tiểu học Kim Đồng xã Năm N'Đir, Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	Xã Năm N'Đir	Phòng GD&ĐT	2020	4,467	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
14	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân (5 phòng học)	Buôn Choah - Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2020	2,887	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
15	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân; Hạng mục: Cổng, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2020	1,500	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
16	Trường tiểu học Lê Lợi (HM: Nhà lớp học 08 phòng 2 tầng)		Phòng GD&ĐT	2020	5,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
17	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	UBND thị trấn Đăk Mâm	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
18	Đường giao thông bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban quản lý CTMTQG xã Quảng Phú	2020	0,213	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
19	Nhà văn hóa thôn Buôn Choah, Hạng mục: Cổng, hàng rào lưới B40	Xã Buôn Choah	Ban quản lý CTMTQG xã Buôn Choah	2020	0,224	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
20	Nhà văn hóa Đăk Pí, xã Năm N'Đir, hạng mục: Nhà vệ sinh 12m2, cổng tường rào 51m, sân bê tông 88m2, giếng khoan	Xã Năm N'Đir	Ban quản lý CTMTQG xã Năm N'Đir	2020	0,231	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
21	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Hưng, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,183	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
22	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,315	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
23	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,228	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
24	Đường bê tông nông thôn thôn Phú Hòa, Xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,366	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
25	Nhà văn hóa thôn Cao Sơn, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Ban Quản lý CT MTQG xã Buôn Choah	2020	0,488	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
26	Nhà văn hóa thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah, hạng mục: Nâng cấp mở rộng hội trường	Xã Buôn Choah	Ban Quản lý CT MTQG xã Buôn Choah	2020	0,490	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
27	Nhà văn hóa thôn Phú Hưng, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,469	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
28	Nhà văn hóa thôn Phú Trung, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,394	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
29	Nhà văn hóa thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,339	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
30	Nhà văn hóa thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,489	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
31	Nhà văn hóa thôn Nam Ninh, hạng mục: San lấp mặt bằng, nhà cấp IV, diện tích 120m2	Xã Nam N'đir	UBND Xã Nam N'đir	2020	0,490	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
32	Nhà văn hóa thôn Nam Phú	Xã Nam Đà	Ban Quản lý CT MTQG xã Quảng Phú	2020	0,672	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
33	Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Nam N'Đir	Xã Nam N'Đir	Ban Quản lý CT MTQG xã Nam N'Đir	2020	1,667	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
34	Trường Mầm non Hoa Ban, xã Nam N'Đir	Xã Nam N'Đir	Ban Quản lý CT MTQG xã Nam N'Đir	2020	4,438	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
II	Vốn sự nghiệp						
1	Trường TH Nguyễn Bá ngọc, hạng mục: Cổng, tường rào;	Xã Nam Xuân	Phòng GD&ĐT	2020	0,540	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
2	Trường TH Phan Chu trình, hạng mục: Nâng cấp mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	Thị trấn Đăk Mâm	Phòng GD&ĐT	2020	3,501	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
3	Trường Mầm non Hòa Mi, hạng mục nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	TT Đắc Mâm	Phòng GD&ĐT	2019	5,770	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
4	Trường Mầm non Vàng Anh hạng mục: Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	Xã Nam N'đir	Phòng GD&ĐT	2019	3,000	Chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán	
5	Sửa chữa Trụ sở Công an huyện	TT Đắc Mâm	Công an huyện	2020	3,685	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
6	Trường Mầm non Hoa Hồng (nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ)	Xã Đức Xuyên	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
7	Trường Mầm non Sơn Ca (phân hiệu Nam Hải) (nâng cấp mở rộng 2 phòng học)	Xã Nam Đà	Phòng GD&ĐT	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
8	Trường Mầm non Hòa Mi (điểm chính) (nâng cấp mở rộng cổng, tường rào)	xã Đắc Drô	Phòng GD&ĐT	2020	0,700	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
9	Trường Mầm non Hoàng Anh (nhà hiệu bộ)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
10	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm (nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh)	TT Đắc Mâm	Phòng GD&ĐT	2020	0,900	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
11	Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở Nguyễn Viết Xuân	Xã Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2020	2,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
12	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bé	Xã Đức Xuyên	Phòng GD&ĐT	2020	4,500	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
13	Trường Tiểu học Hoàng Diệu (nâng cấp, sửa chữa 7 phòng học)	Xã Nam Đà	Phòng GD&ĐT	2020	1,000	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT (tháng, năm theo HD)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lý do chưa quyết toán	Ghi chú
14	Trường THCS Năm N'Đir (nâng cấp, sửa chữa 16 phòng học)	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2020	0,999	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
15	Trường MN Hướng Dương (Nâng cấp, mở rộng bếp ăn)	Xã Tân Thành	Phòng GD&ĐT	2020	0,547	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
16	Trường TH Trần Quốc Toàn (Điểm chính) (Nâng cấp, sửa chữa 6 phòng học)	Xã Tân Thành	Phòng GD&ĐT	2020	0,900	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
17	Nạo vét kênh tiêu thôn Cao Sơn, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng NN&PTNT	2020	1,126	Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán	
B	Dự án hoàn thành trong năm 2021						
I	Vốn sự nghiệp						
2	Trường MN Chòi Non (nâng cấp, cải tạo sân, mái vòm)	Xã Buôn Choah	Phòng GD&ĐT	2021	1,000	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
3	Trường MN Hoàng Anh (nâng cấp, cải tạo cổng, tường rào)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2021	0,993	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
4	Trường TH Lê Văn Tám (Tân Lập) (Nâng cấp, mở rộng 3 phòng học)	Xã Năm Nung	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
5	Trường MN Hoàng Anh (điểm chính) (nâng cấp, mở rộng bếp ăn)	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	2021	0,846	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
6	Trường TH Kim Đồng (điểm chính) (nâng cấp cổng, tường rào)	Xã Năm N'đir	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
7	Trường THCS TT Đăk Mâm (nâng cấp, cải tạo sân, nhà để xe)	TT Đăk Mâm	Phòng GD&ĐT	2021	1,000	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
8	Trường THCS Lý Tự Trọng (nâng cấp, cải tạo cổng, tường rào)	Xã Nam Xuân	Phòng GD&ĐT	2021	1,200	Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	

PHỤ LỤC 03
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó	Tổng số		Trong đó		Tổng số	Trong đó			Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN							Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài		Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
	TỔNG CỘNG							555.100	505.663	132.308	331.907	104.764	104.157	607	89.987	23.056	16.131	8.725	22,01%	25,62%			
A	NGUỒN VỐN TÍNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ							399.735	399.735	100.600	296.746	57.953	57.346	607	57.953	11.625	9.051	2.574	20,06%	20,06%			
I	VỐN ĐİPT NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							239.735	239.735	100.600	136.746	27.953	27.346	607	27.953	9.948	7.374	2.574	35,59%	35,59%			
1.1	Nguồn cân đối NS địa phương							239.735	239.735	100.600	136.746	27.953	27.346	607	27.953	9.948	7.374	2.574	35,59%	35,59%			
1	Công trình chuyển tiếp							81.700	81.700	29.400	57.300	14.607	14.000	607	14.607	6.508	6.508	-	44,55%	44,55%			
1.1	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	7726326	Đức Xuyên	Ban QLDA&PTQĐ		2019-2021	1721/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	21.000	21.000	13.000	13.000	2.000	2.000		2.000	2.000	2.000		100,00%	100,00%			
1.2	Đường giao thông từ Nam Đà đi xã Đăk Drô, huyện Krông Nô (ĐH 65)	7865917	Xã Nam Đà, Đăk Drô	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	20.000	4.600	15.400	4.000	4.000		4.000	2.429	2.429		60,73%	60,73%			
1.3	Đường từ xã Đăk Drô đi Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	7865916	Xã Đăk Drô, Năm Nung	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	4.600	15.400	4.607	4.000	607	4.607	2.079	2.079		45,12%	45,12%			
1.4	Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang	7865915	xã Đăk Nang	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	14.700	4.200	10.500	3.000	3.000		3.000	-			0,00%	0,00%			
1.5	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô	7866790	xã Đăk Sôr	Phòng KT&HT		2021-2023	2991/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	6.000	6.000	3.000	3.000	1.000	1.000		1.000	-			0,00%	0,00%			
2	Công trình mở mới							80.000	80.000	700	79.300	13.200	13.200	-	13.200	3.440	866	2.574	2	2			
2.1	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (Đ10) huyện Krông Nô	7866148	TT Đăk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	30.000	30.000	700	29.300	4.000	4.000		4.000	-			0,00%	0,00%			
2.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV(1959-1975) tại Năm Nung tỉnh ĐăkNông	7929833	huyện Krông nô	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	2058/QĐ- UBND 26/11/2021	10.000	10.000		10.000	2.000	2.000		2.000	1.965	365	1.600	98,25%	98,25%			
2.3	Đường giao thông xã ĐăkDrô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(ĐH66)	7916881	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	1517/QĐ- UBND 10/9/2021	20.000	20.000		20.000	3.000	3.000		3.000	351	351		11,71%	11,71%			
2.4	Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành	7929466	Xã Tân Thành	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2039/QĐ- UBND 24/11/2021	5.000	5.000		5.000	2.200	2.200		2.200	1.124	149	974	51,07%	51,07%			
2.5	Hồ Đăk Ri 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô	7929520	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2365/QĐ- UBND 31/12/2021	15.000	15.000		15.000	2.000	2.000		2.000	-			0,00%	0,00%			
3	Công trình thanh toán nợ							78.035	78.035	70.500	146	146	146	-	146	-	-	-	-	-			

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
3.1	Đường ĐắkMâm đi đôn 7(759)- Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối trục N7 thị trấn ĐắkMâm huyện Krông Nô tỉnh ĐắkNông	7.385.219	Huyện Krông Nô	UBND Huyện Krông Nô		2013-2017	1432/QĐ- UBND 31/10/2021; 1838/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	78.035	78.035	70.500	146	146	146	146	-		0,00%	0,00%	Chưa chấp T.đ		
II NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TW								160.000	160.000	-	160.000	30.000	30.000	-	30.000	1.677	1.677	-	5,59%	5,59%	
1 Công trình mở mới								160.000	160.000	-	160.000	30.000	30.000	-	30.000	1.677	1.677	-	5,59%	5,59%	
1.1	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	7.929.467	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ -UBND 25/11/2021	80.000	80.000		80.000	15.000	15.000		15.000	-		0,00%	0,00%		
2	Đường giao thông từ thị trấn ĐắkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Nđư huyện Krông Nô(DH57)	7.929.462	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ -UBND 19/11/2021	80.000	80.000		80.000	15.000	15.000		15.000	1.677	1.677		11,18%	11,18%	
B NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ								- 130.006	- 94.700	- 31.708	35.161	- 43.838	43.838	- -	29.061	9.620	5.269	6.151	21,94%	33,10%	
B.1 NGUỒN VỐN TÍNH PHÂN CẤP NĂM 2022								72.336	37.030	13.100	23.532	14.418	14.418	-	14.418	7.603	4.152	3.451	52,73%	52,73%	
I Công trình thanh toán nợ								14.666	14.666	13.100	1.658	1.374	1.374	-	1.374	1.178	1.178	-	85,72%	85,72%	
1 Lĩnh vực giáo dục và đào tạo								4.000	4.000	3.691	255	255	255	-	255	196	196	-	76,97%	76,97%	
1.1	Trường THCS Tân Thành	7870085	Xã Tân Thành	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2021	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	4.000	3.691	255	255	255		255	196	196		76,97%	76,97%	
2	Lĩnh vực thủy lợi							1.364	1.364	595	769	769	769	-	769	639	639	-	83,04%	83,04%	
2.1	Trạm bơm điện bon chơi xã Đức Xuyên	7583473	Xã Đức Xuyên	Phòng NN&PTNT			2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	1.364	595	769	769	769		769	639	639		83,04%	83,04%	
3 Lĩnh vực quản lý nhà nước								9.302	9.302	8.814	634	350	350	-	350	343	343	-	97,99%	97,99%	
3.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	7802447	Xã Đức Xuyên	BQLCDA&PTQ Đ	Xây dựng trụ sở mới	2020-2021	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	9.302	8.814	634	350	350		350	343	343		97,99%	97,99%	
II Công trình mở mới								22.365	22.365	-	21.874	13.044	13.044	-	13.044	6.425	2.974	3.451	49,26%	49,26%	
1 Lĩnh vực giáo dục và đào tạo								7.391	7.391	-	7.391	4.000	4.000	-	4.000	1.644	271	1.373	41,09%	41,09%	
1.1	Trường TH Lê Văn Tám (phần hiệu Tân Lập)	7929464	Xã Năm Nung	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2022	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.700	-	3.700	2.000	2.000		2.000,0	600	127	473	29,99%	29,99%	
1.2	Trường THCS Năm Nung	7929465	Xã Năm Nung	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2022	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.691	3.691	-	3.691	2.000	2.000	-	2.000,0	1.044	144	900	%	52,20%	
2 Lĩnh vực giao thông								4.990	4.990	-	4.500	3.000	3.000	-	3.000	1.130	180	950	37,67%	37,67%	
2.1	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	7929760	Xã Nam Xuân	Phòng KT&HT	BT 2km, nền đường	2022	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.990		4.500	3.000	3.000		3.000	1.130	180	950	37,67%	37,67%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
3	Lĩnh vực cấp, thoát nước							4.996	4.996	-	4.996	3.144	3.144	-	3.144	2.019	891	1.128	64,22%	64,22%	
3.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắc Sơn	7933813	Xã Nam Xuân	Phòng NN&PTNT	Cấp nước 200 hộ	2022	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.996	-	4.996	3.144	3.144	-	3.144	2.019	891	1.128	64,22%	64,22%	
4	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng							4.987	4.987	-	4.987	2.900	2.900	-	2.900	1.633	1.633	-	56,30%	56,30%	
4.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Drô	7934334	Xã Đắc Drô	UBND xã Đắc Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	2022	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000	-	1.000	510	510		51,00%	51,00%	
4.2	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung	7926931	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	2022	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000		1.000	518	518		51,80%	51,80%	
4.3	Xây mới nhà làm việc xã đội xã Năm Nung	7934333	xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	2022	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987	987		987	900	900		900	604,7	605		67,19%	67,19%	
B.2	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN							57.670	57.670	18.607	11.629	29.420	29.420	-	14.643	2.017	1.117	2.700	6,86%	13,77%	
B.2.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							57.670	57.670	18.607	11.629	29.420	29.420	-	14.643	2.017	1.117	2.700	6,86%	13,77%	
I	Công trình thanh toán nợ							23.283	23.283	18.607	9.117	3.369	3.369	-	3.369	78	78	1.800	2,31%	2,31%	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							4.500	4.500	4.260	18	191	191		191	-			0,00%	0,00%	
1.1	Trường THCS Quảng Phú	7872541	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2021	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	4.500	4.260	62	191	191		191	-			0,00%	0,00%	
2	Lĩnh vực giao thông							16.872	16.872	13.348	7.299	2.267	2.267	-	2.267	78	78	1.800	3,43%	3,43%	
2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	7729624	TT Đắc Mâm	Ban QLCDA&PTQ Đ	1.200m nhựa	2019-2020	3016, ngày 31/10/2018	6.850	6.850	5.547	1.250	1.118	1.118		1.118	-			0,00%	0,00%	
2.2	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	7804477	TT Đắc Mâm	BQLCDA&PTQ Đ	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2020	QĐ điều chỉnh 2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	4.633	4.354	4.107	83,00	83		83	78	78		93,62%	93,62%	
2.3	Đường Giao thông N5 (nối từ N7-N13)	7659171	TT Đắc Mâm	BQLCDA&PTQ Đ	Nền, móng, mặt đường và HTTN	2018-2020	2470/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.389	5.389	3.447	1.942	1.066	1.066	-	1.066			1.800	0,00%	0,00%	
3	Lĩnh vực quy hoạch							1.911	1.911	1.000	1.800	911	911		911	-			0,00%	0,00%	
3.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	7867063	Toàn huyện	Phòng TNMT	Quy hoạch SD đất cấp huyện	2021-2022	3173/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	1.911	1.911	1.000	1.911	911	911		911	-			0,00%	0,00%	
II	Công trình mới mới							23.167	23.167	-	2.512	14.831	14.831	-	11.274	1.939	1.039	900	13,08%	17,20%	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							5.984	5.984	-	2.512	5.135	5.135	-	5.135	1.673	773	900	32,58%	32,58%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
1.1	Trường MN Hoa Pơ Lang	7929759	Xã Năm Nung	Phòng GD&ĐT	Nhà hiệu bộ	2022	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.484		2.512	2.135	2.135		2.135	650	650		30,44%	30,44%	
1.2	Trường THCS Lý Tự Trọng	7929463	Xã Nam Xuân	Ban QLCDA&PTQĐ	Nhà tập đa năng	2022	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.500			3.000	3.000	-	3.000	1.023	123	900	34,11%	34,11%	
2	Lĩnh vực thủy lợi							3.404	3.404	-	-	3.000	3.000	-	3.000	266	266	-	8,87%	8,87%	
2.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đăk Drô	7933812	Xã Đăk Drô	Phòng NN&PTNT	1205,71m kênh	2022	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.404	-		3.000	3.000		3.000	266	266				
3	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác							1.239,382	1.239,382	-	-	1.239,382	1.239,382	-	1.239,382	-	-	-	0,00%	0,00%	
3.1	Đường giao thông N5, N6, chỉnh trang khu dân cư đô thị, Hoa viên thị trấn Đăk Mâm (đợt 2 - các hộ còn lại)	7925542	Thị trấn Đăk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	Bồi thường, hỗ trợ	2021-2022	2298/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	1.239,382	1.239,382		-	1.239,382	1.239,382		1.239,382				0,00%	0,00%	
4	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước							10.539	10.539	-	-	3.557	3.557	-	-	-	-	-	0,00%	#DIV/0!	
4.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện		Toàn huyện		Đền bù GPMB	2022-2025		10.539	10.539			3.557	3.556,618			-			0,00%	#DIV/0!	
5	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác							2.000	2.000	-	-	1.900	1.900	-	1.900	-	-	-	0,00%	0,00%	
5.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	7932036	Thị trấn Đăk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	San lấp mặt bằng khoảng 18.000m2	2022-2023	5144/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	2.000	2.000		-	1.900	1.900	-	1.900	-	-	-	0,00%	0,00%	
III	Chi đầu tư khác							11.220	11.220	-	-	11.220	11.220	-	-	-	-	-	0,00%	#DIV/0!	
6.1	Chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)					2021-2022		11.220	11.220			11.220	11.220			-			0,00%	#DIV/0!	
C	Vốn ngân sách xã							25.359	11.228	-	-	2.973	2.973	-	2.973	1.811	1.811	-	60,93%	60,93%	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất							25.359	11.228	-	-	2.973	2.973	-	2.973	1.811	1.811	-	60,93%	60,93%	
I.1	Xã Nam Đà							3.501	3.501	-	-	34	34	-	34	34	34	-	99,97%	99,97%	
1	Đường GT thôn Nam Tân đi trung tâm xã Nam Đà	7619772	xã Nam Đà	UBND xã Nam Đà				3.501	3.501			34	34		34	34	34		99,97%	99,97%	
I.2	Xã Năm Nung							20.818	7.727	-	-	1.960	1.960	-	1.960	1.069	1.069	-	54,54%	54,54%	
1	Nhà văn hoá xã Năm Nung	7815070	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung				3.147	3.056			738	738		738	738	738		100,00%	100,00%	
2	Các trục đường trung tâm cụm xã Năm Nung	7778494	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung			115a/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	4.671	4.671			572	572		572	331	331		57,89%	57,89%	
3	Cấp nước sinh tập trung xã Năm Nung, huyện Krông Nô	7775797	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung			653/QĐ-SNN - 21/08/2019	13.000				650	650		650	-			0,00%	0,00%	
I.3	Xã Quảng Phú	7775798	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung				1.040	-	-	-	979	979	-	979	708	708	-	72,38%	72,38%	
1	Trường THCS Quảng Phú, xã Quảng Phú	7775799	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung			653/QĐ-SNN - 21/08/2021	1.040				979	979		979	708	708		72,38%	72,38%	

PHỤ LỤC 03a
CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 CHẠM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
A	NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ							323.735	323.735	78.400	237.946	43.146	43.146	-	43.146	2.028	2.028	-	4,70%	4,70%	
I	VỐN ĐIPT NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							163.735	163.735	78.400	77.946	13.146	13.146	-	13.146	351	351	-	2,67%	2,67%	
1.1	Nguồn cân đối NS địa phương							163.735	163.735	78.400	77.946	13.146	13.146	-	13.146	351	351	-	2,67%	2,67%	
1	Công trình chuyển tiếp							20.700	20.700	7.200	13.500	4.000	4.000	-	4.000	-	-	-	0,00%	0,00%	
1.1	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang		7865915	xã Đắk Nang	Ban QLDA&PTQĐ	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	14.700	4.200	10.500	3.000	3.000		3.000	-			0,00%	0,00%	
1.2	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô		7866790	xã Đắk Sôr	Phòng KT&HT	2021-2023	2991/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	6.000	6.000	3.000	3.000	1.000	1.000		1.000	-			0,00%	0,00%	
2	Công trình mở mới							65.000	65.000	700	64.300	9.000	9.000	-	9.000	351	351	-	3,9%	3,90%	
2.1	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (Đ10) huyện Krông Nô		7866148	TT Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	30.000	30.000	700	29.300	4.000	4.000		4.000	-			0,00%	0,00%	
2.2	Đường giao thông xã ĐắkDrô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(DH66)		7916881	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ- UBND 10/9/2021	20.000	20.000		20.000	3.000	3.000		3.000	351	351		11,71%	11,71%	
2.3	Hồ Đắk Rì 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô		7929520	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ- UBND 31/12/2021	15.000	15.000		15.000	2.000	2.000		2.000	-			0,00%	0,00%	
3	Công trình thanh toán nợ							78.035	78.035	70.500	146	146	146	-	146	-	-	-	-	-	
3.1	Đường ĐắkMâm đi đồn 7(759)- Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối trục N7 thị trấn ĐắkMâm huyện Krông Nô tỉnh ĐắkNông		7.385.219	Huyện Krông Nô	UBND Huyện Krông Nô	2013-2017	1432/QĐ- UBND 31/10/2021; 1838/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	78.035	78.035	70.500	146	146	146		146	-			0,00%	0,00%	Chưa nhập Tờ toán
II	NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TW							160.000	160.000	-	160.000	30.000	30.000	-	30.000	1.677	1.677	-	5,59%	5,59%	
1	Công trình mở mới							160.000	160.000	-	160.000	30.000	30.000	-	30.000	1.677	1.677	-	5,59%	5,59%	
1.1	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô		7.929.467	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô	2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND 25/11/2021	80.000	80.000		80.000	15.000	15.000		15.000	-			0,00%	0,00%	
1.2	Đường giao thông từ thị trấn ĐắkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Nđir huyện Krông Nô(DH57)		7.929.462	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô	2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND 19/11/2021	80.000	80.000		80.000	15.000	15.000		15.000	1.677	1.677		11,18%	11,18%	
B	NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ							39.968	39.968	14.254	19.117	19.560	19.560	-	19.560	3.669	1.346	2.323	18,76%	18,76%	
B.1	NGUỒN VỐN TỈNH PHÂN CẤP NĂM 2022							8.690	8.690	-	8.200	5.000	5.000	-	5.000	1.730	307	1.423	34,59%	34,59%	
II	Công trình mở mới							8.690	8.690	-	8.200	5.000	5.000	-	5.000	1.730	307	1.423	34,59%	34,59%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2021	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022			KH vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 16/5/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo kế hoạch	Theo KH vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2021 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
1.1		7929464	Xã Năm Nung	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2022	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.700	-	3.700	2.000	2.000		2.000,0	600	127	473	29,99%	29,99%	
2.1	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	7929760	Xã Nam Xuân	Phòng KT&HT	BT 2km, nền đường	2022	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.990		4.500	3.000	3.000		3.000	1.130	180	950	37,67%	37,67%	
B.2	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN							31.278	31.278	14.254	10.917	14.560	14.560	-	14.560	1.939	1.039	900	13,32%	13,32%	
B.2.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							31.278	31.278	14.254	10.917	14.560	14.560	-	14.560	1.939	1.039	900	13,32%	13,32%	
I	Công trình thanh toán nợ							18.650	18.650	14.254	5.165	3.286	3.286	-	3.286	-	-	-	0,00%	0,00%	
1	Trường THCS Quảng Phú	7872541	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2021	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	4.500	4.260	62	191	191		191	-			0,00%	0,00%	
2	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	7729624	TT Đắk Mâm	Ban QLCDA&PTQ Đ	1.200m nhựa	2019-2020	3016, ngày 31/10/2018	6.850	6.850	5.547	1.250	1.118	1.118		1.118	-			0,00%	0,00%	
3	Đường Giao thông N5 (nối từ N7-N13)	7659171	TT Đắk Mâm	BQLCDA&PTQ Đ	Nền, móng, mặt đường và HTTN	2018-2020	2470/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.389	5.389	3.447	1.942	1.066	1.066		1.066				0,00%	0,00%	
4	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	7867063	Toàn huyện	Phòng TNMT	Quy hoạch SD đất cấp huyện	2021-2022	3173/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	1.911	1.911	1.000	1.911	911	911		911	-			0,00%	0,00%	
II	Công trình mở mới							12.628	12.628	-	5.752	11.274	11.274	-	11.274	1.939	1.039	900	17,20%	17,20%	
1	Trường MN Hoa Pơ Lang	7929759	Xã Năm Nung	Phòng GD&ĐT	Nhà hiệu bộ	2022	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.484		2.512	2.135	2.135		2.135	650	650		30,44%	30,44%	
2	Trường THCS Lý Tự Trọng	7929463	Xã Nam Xuân	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà tập đa năng	2022	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.500			3.000	3.000	-	3.000	1.023	123	900	34,11%	34,11%	
3	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắk Drô	7933812	Xã Đắk Drô	Phòng NN&PTNT	1205,71m kênh	2022	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.404	-		3.000	3.000		3.000	266	266		8,87%	8,87%	
4	Đường giao thông N5, N6, chỉnh trang khu dân cư đô thị, Hoa viên thị trấn Đắk Mâm (đợt 2 - các hộ còn lại)	7925542	Thị trấn Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	Bồi thường, hỗ trợ	2021-2022	2298/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	1.239,382	1.239,382		1.239	1.239,382	1.239,382		1.239,382				0,00%	0,00%	
5	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	7932036	Thị trấn Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	San lấp mặt bằng khoảng 18.000m2	2022-2023	5144/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	2.000	2.000		2.000	1.900	1.900		1.900				0,00%	0,00%	
C	Vốn ngân sách xã							13.000	-	-	-	650	650	-	650	-	-	-	-	-	
1	Cấp nước sinh tập trung xã Năm Nung, huyện Krông Nô	7775797	Xã Năm Nung	Ban QLDA&PTQĐ			653/QĐ-SNN - 21/08/2019	13.000				650	650		650	-			0,00%	0,00%	

PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH, ngày tháng 5 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung/ Danh mục công trình	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	Thanh toán KH vốn đến ngày 16/5/2022			TH/KH vốn (%)	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt hoặc QĐTAHT	TMDT,QT			Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
	Nguồn vốn sự nghiệp (Rút bằng dự toán)					24.703	11.798	9.253	7.238	7.238	-	78%	
I	Sự nghiệp kinh tế					14.468	7.000	5.200	4.552	4.552	-	88%	
1	Thanh toán nợ					14.268	7.000	5.000	4.552	4.552	-	91%	
1.1	Sửa chữa nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Đắc Sôr đi Nam Xuân	Xã Đắc Sôr, Nam Xuân	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		3589/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	6.968	3.000	2.367	2.000	2.000		85%	
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Nam Tân xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Phòng KT&HT	Nền mặt đường và hệ thống thoát nước	1023/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	3.300	2.500	500	440	440		88%	
1.3	Sửa chữa nâng cấp mở rộng tuyến đường khu vực trung tâm xã Nam N'đir	Xã Nam N'đir	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		3590/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	4.000	1.500	2.133	2.111	2.111		99%	
2	Công trình mở mới					200	-	200	-	-	-		
2.1	Cắm mốc giới thu hồi đất đối với các khu vực đã được thu hồi tại tổ dân phố 2 thị trấn ĐắcMâm	TT Đắc Mâm	Ban QLDA&PTQĐ			200		200	-			0,00%	
II	Sự nghiệp giáo dục					10.235	4.798	4.053	2.686	2.686	-	66%	
1	Công trình thanh toán nợ					10.235	4.798	4.053	2.686	2.686	-	66%	
1.1	Sửa chữa Trung tâm Chính trị huyện Krông Nô	TT Đắc Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	Sửa chữa Hội trường lớn, nhà xe, hàng rào	721/QĐ-UBND ngày 01/4/2021	935	605	120	120	120		100%	
1.2	Trường MN Hoàng Anh (Điểm chính).	Xã Quảng Phú	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	727/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	4.800	2.036	1.713	1.588	1.588		93%	
1.3	Trường MN Hoàng Anh (Điểm chính).	Xã Quảng Phú	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Nâng cấp, cải tạo sân trường	2237/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	1.000	657	288	185	185		64%	
1.4	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2246/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	3.500	1.500	1.932	793	793		41%	